

Số : 7.3./BC-TLTN

Tây Ninh, ngày 19 tháng 6 năm 2019

## BÁO CÁO

### Đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và 3 năm gần nhất

Năm báo cáo: 2019

#### I. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm trước

##### 1. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm trước (2016, 2017, 2018)

###### 1.1. Phục vụ tưới, tiêu, cung cấp nước:

###### a) Phục vụ tưới, tiêu:

Kết quả thực hiện năm 2016: Đã nghiệm thu, thanh lý hợp đồng tưới tiêu được 146.028,72 ha/143.959 hộ, đạt 101,41% kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 102,51% so cùng kỳ năm 2015;

Kết quả thực hiện năm 2017: Đã nghiệm thu, thanh lý hợp đồng tưới tiêu được 147.951,77 ha/145.464 hộ, đạt 100,67% kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 101,32% so cùng kỳ năm 2016;

Kết quả thực hiện năm 2018: Đã nghiệm thu, thanh lý hợp đồng tưới tiêu được 149.565,44 ha/149.483 hộ, đạt 100,72% kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 101,09% so cùng kỳ năm 2017.

###### b) Cung cấp nước cho các nhà máy:

Trong 03 năm 2016, 2017, 2018 Công ty đã hợp đồng cấp nước cho các nhà máy, gồm có: Nhà máy đường 8.000 TMN (Thành Thành Công) 540m<sup>3</sup>/h; Nhà máy mì TAPIOCA 190 m<sup>3</sup>/h; Nhà máy mì Tân Châu 62,5 m<sup>3</sup>/h; Nhà máy mì Thành Vũ 190 m<sup>3</sup>/h; Nhà máy mì Hồng Phát 36m<sup>3</sup>/h; Cấp nước sinh hoạt cho khu liên hợp Công nghiệp-Đô thị-Dịch vụ-Phước Đông (VRG) 125 m<sup>3</sup>/h.

###### 1.2. Hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi, tiền nước và thu khác:

###### a) Năm 2016:

Tổng thu 82.185,096 triệu đồng, đạt 100,93 % kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 101,16 % so cùng kỳ năm 2015. Trong đó:

+ Kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi: 75.342,177 triệu đồng đạt 100,29 % kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 101,64 % so cùng kỳ năm 2015;

+ Thu tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi ngoài hạn điền 84,847 triệu đồng, đạt 84,85 % kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 104,89 % so cùng kỳ năm 2015;

+ Thu tiền nước các nhà máy và thu khác: 6.758,072 triệu đồng, đạt 109,00 % kế hoạch và bằng 152,76 % so cùng kỳ năm 2015.

#### **b) Năm 2017:**

Tổng thu 84.783,016 triệu đồng, đạt 102,77 % kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 103,16 % so cùng kỳ năm 2016. Trong đó:

+ Kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi: 77.271,548 triệu đồng đạt 102,08 % kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 102,56 % so cùng kỳ năm 2016;

+ Thu tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi ngoài hạn điền: 106,352 triệu đồng, đạt 106,35 % kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 125,35 % so cùng kỳ năm 2016;

+ Thu tiền nước các nhà máy và thu khác: 7.405,116 triệu đồng, đạt 110,52 % kế hoạch và bằng 109,57 % so cùng kỳ năm 2016.

#### **c) Năm 2018:**

Tổng thu 85.349,361 triệu đồng, đạt 99,72 % kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 100,67 % so cùng kỳ năm 2017. Trong đó:

+ Kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi: 76.615,806 triệu đồng đạt 97,74 % kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 99,15 % so cùng kỳ năm 2017;

+ Thu tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi ngoài hạn điền: 96,225 triệu đồng, đạt 96,26 % kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 90,50 % so cùng kỳ năm 2017;

+ Thu tiền nước các nhà máy và thu khác: 8.637,300 triệu đồng, đạt 121,65 % kế hoạch và bằng 116,64 % so cùng kỳ năm 2017.

## **2. Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh**

### **2.1. Năm 2016:**

Duy tu sửa chữa công trình:

a) Từ nguồn vốn thủy lợi phí: (nay là nguồn vốn sử dụng sản phẩm dịch vụ thủy lợi)

Kế hoạch vốn sửa chữa thường xuyên từ nguồn thủy lợi phí năm 2016 là 23.000 triệu đồng, Công ty đã lập đầy đủ các thủ tục, đã triển khai thi công, hoàn thành vào cuối năm 2016, giải ngân hết vốn kế hoạch đã được phê duyệt trong năm 2016.

b) Từ nguồn sự nghiệp thủy lợi:

Kế hoạch vốn đã được UBND tỉnh bố trí là 2.000 triệu đồng, công trình Sửa chữa thường xuyên kênh và công trình địa bàn Xí nghiệp thủy lợi Gò Dầu, Xí nghiệp thủy lợi Thành phố Tây Ninh.

Hạng mục: Gia cố kênh N12 từ (K0+300 đến K1+50)

Sửa chữa kênh TN17-1 (K1+350 ÷ K1+900)

Sửa chữa cống điều tiết kết hợp CQĐ K2+500 TN17-1

Tổng giá trị giải ngân năm 2016 là 1.927,74 triệu đồng, đạt 96,39% kế hoạch vốn được bố trí; (do giá trị quyết toán thấp hơn giá dự toán)

c) Từ nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung:

Trong năm 2016, Công ty cũng đã đầu tư 01 hạng mục công trình: Kéo dài kênh PC4, trạm bơm Phước Chỉ.

Tổng giá trị giải ngân năm 2016 là 1.747 triệu đồng đạt 87,35% kế hoạch vốn được bố trí;

d) Duy tu bảo dưỡng do công nhân tự thực hiện theo QĐ 227 của Công ty:

- Đất đào : 1.666,07 m<sup>3</sup>

- Đất đắp : 859,35 m<sup>3</sup>

- Bê tông các loại : 51,66 m<sup>3</sup>

- Vữa các loại : 358,09 m<sup>3</sup>

e) Từ nguồn quỹ phát triển của Công ty:

Năm 2016

- Xây dựng mới nhà kho lưu trữ hồ sơ văn phòng Công ty;

- Xây mới nhà kho, nhà bảo vệ và nhà ăn xí nghiệp thủy lợi Hòa Thành

- Xây mới nhà bảo vệ và nhà ăn xí nghiệp thủy lợi Trảng Bàng;

- Làm mới nhà vệ sinh, hàng rào trạm bơm xã Phan;

- Bổ sung nhà làm việc trạm thủy lợi Liên huyện tại K7 kênh N14;

- Sửa chữa cải tạo nhà làm việc Đội quản lý kênh Tân Biên.

Tổng giá trị hợp đồng xây dựng là 2.114,88 triệu đồng. Tất cả các hạng mục đã được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng, tạo nhiều điều kiện thuận lợi, an toàn, nâng cao sức khỏe cho người lao động.

## **2.2. Năm 2017:**

Duy tu sửa chữa công trình:

a) Từ nguồn thủy lợi phí: (nay là nguồn vốn sử dụng sản phẩm dịch vụ thủy lợi)

Kế hoạch vốn sửa chữa thường xuyên từ nguồn thủy lợi phí năm 2017 là 23.500 triệu đồng. Công ty đã lập đầy đủ các thủ tục, đã triển khai thi công, hoàn thành vào cuối năm 2017, giải ngân 100% vốn kế hoạch đã được phê duyệt trong năm 2017.

b) Từ nguồn sự nghiệp thủy lợi:

Kế hoạch vốn đã được UBND tỉnh bố trí là 2.000 triệu đồng, công trình Sửa chữa thường xuyên kênh và công trình địa bàn Xí nghiệp thủy lợi Gò Dầu, Xí nghiệp thủy lợi Châu Thành.

Hạng mục:

- Gia cố kênh TN17-15 đoạn từ HL CQĐ K3+127 đến K3+530;
- Gia cố kênh N18-19-3 đoạn từ K0 ÷ K0+600;

Tổng giá trị giải ngân năm 2017 là 2.000 triệu đồng đạt 100% kế hoạch vốn được bố trí;

c) Từ nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung:

Trong năm 2017, Công ty được giao đầu tư 03 hạng mục công trình: Khôi phục kênh N26 đoạn từ K7+800 đến K8+200 và kênh N26-16, N26-16-3. Công trình: Bê tông hóa các tuyến kênh cấp 2 (N4-5, N4-7). Công trình: Gia cố kênh N4 đoạn từ K10+700 đến K13+400.

Tổng giá trị giải ngân năm 2017 là 13.252,67 triệu đồng đạt 78,27% kế hoạch vốn được bố trí. (do giá trị quyết toán thấp hơn giá dự toán)

d) Duy tu bảo dưỡng do công nhân tự thực hiện theo QĐ 227 của Công ty:

Công ty cũng đã tổ chức cho công nhân tự thực hiện trám chít, đắp vá các vị trí hư hỏng theo quy định tại quyết định số 227 của Công ty phân công nhân tự thực hiện. Cụ thể như sau:

- Đất đào : 2.370,64 m<sup>3</sup>
- Đất đắp : 1.165,88 m<sup>3</sup>
- Bê tông các loại : 35,40 m<sup>3</sup>
- Vữa các loại : 359,15 m<sup>3</sup>

### 2.3. Năm 2018

a) Nguồn vốn thủy lợi phí: (nay là nguồn vốn sử dụng sản phẩm dịch vụ thủy lợi)

Kế hoạch vốn sửa chữa thường xuyên từ nguồn thủy lợi phí năm 2018 là 23.600 triệu đồng. Công ty đã lập đầy đủ các thủ tục, đã triển khai thi công, hoàn thành vào cuối năm 2018, giải ngân 100% vốn kế hoạch đã được phê duyệt trong năm 2018.

b) Nguồn vốn sự nghiệp thủy lợi:

Kế hoạch vốn đã được UBND tỉnh bố trí là 2.605 triệu đồng, công trình Sửa chữa thường xuyên kênh và công trình địa bàn Xí nghiệp thủy lợi Gò Dầu, Xí nghiệp thủy lợi Tân Châu, Xí nghiệp thủy lợi Trảng Bàng, Xí nghiệp thủy lợi Hòa Thành.

Hạng mục: Gia cố kênh N12 đoạn từ K0 ÷ K0+408; Làm mới CTL tại K14+300 trên kênh chính Tân Châu; Nạo vét kênh tiêu T12-15 từ K0 đến K5+400; Nạo vét kênh tiêu T2-2 đoạn K1+693 đến K1+900 và sửa chữa CTL 2D80 tại K0+973 kênh TN5-9-2; Gia cố kênh TN25-6 từ K0+830 ÷ K1+291.

Các hạng mục trên đã hoàn thành, đã nghiệm thu, bàn giao và giải ngân hết vốn đã được bố trí trong năm 2018.

c) Nguồn vốn ngân sách tập trung:

- Công trình: Khôi phục kênh N26 đoạn từ K7+800 đến K8+200 và kênh N26-16, N26-16-3 đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình tại Quyết định số 316/QĐ-SKH-ĐT ngày 28/10/2016; Kinh phí: 4.331 triệu đồng;

- Công trình: Bê tông hóa các tuyến kênh cấp 2 (N4-5, N4-7), đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình tại Quyết định số 317/QĐ-SKH-ĐT ngày 28/10/2016; Kinh phí: 3.967 triệu đồng;

- Công trình: Gia cố kênh N4 đoạn từ K10+700 đến K13+400, đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình tại Quyết định số 315/QĐ-SKH-ĐT ngày 28/10/2016; Kinh phí: 4.687 triệu đồng;

Các công trình đã được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng trong năm 2018, đã giải ngân thanh quyết toán hết vốn được bố trí trong năm 2018.

d) Duy tu bảo dưỡng do công nhân tự thực hiện theo QĐ 227 của Công ty:

Song song với việc đầu tư sửa chữa từ các nguồn vốn sự nghiệp thủy lợi và thủy lợi phí. Công ty cũng đã tổ chức cho công nhân tự thực hiện trám chít, đắp vá các vị trí hư hỏng theo quy định tại quyết định số 227 phân công nhân tự thực hiện. Cụ thể như sau:

- Đất đào	:	1.707,20 m <sup>3</sup>
- Đất đắp	:	1.303,55 m <sup>3</sup>
- Bê tông các loại	:	56,48 m <sup>3</sup>
- Vữa các loại	:	313,51 m <sup>3</sup>

Nhờ thực hiện tốt công tác sửa chữa, duy tu bảo dưỡng công trình, nhất là tăng cường trách nhiệm của đội ngũ công nhân trong việc kiểm tra công trình đã góp phần bảo đảm hệ thống kênh luôn thông thoáng, ngăn chặn kịp thời sự cố bở vỡ kênh, phục vụ tốt cho sản xuất của nhân dân trong năm 2018, tăng diện tích tưới và nâng cao chất lượng tưới;

Số lượng xử lý các vụ việc vi phạm công trình đã được Công ty kiểm tra và lập biên bản là: 766 vụ. (Trong đó, đã được cấp giấy CNQSDĐ là 188 vụ) Hiện nay số vụ vi phạm công trình còn tồn đọng là 234 vụ, Công ty đang phối hợp để xử lý theo Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 20/3/2019 của UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch xử lý vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh

**3. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.**

a) Thuận lợi:

- Được sự quan tâm chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, sự hỗ trợ của các Ban, Ngành và UBND các huyện, thành phố trong việc phối hợp tổ chức quản lý khai thác hệ thống công trình thủy lợi;

- Hệ thống kênh mương đã được đầu tư nâng cấp từ các nguồn vốn tạo nhiều thuận lợi cho việc cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và chế biến công nghiệp trong thời gian qua;

- Người dân đã nắm bắt kịp thời các thông tin về thời gian đóng, mở nước, lịch tưới luân phiên của Ngành, đã chủ động gieo trồng các loại cây phù hợp với các biện pháp tưới tiêu trên từng khu vực, bảo đảm cho sự phát triển của cây trồng, đem lại hiệu quả năng suất cao nhất trong từng vụ sản xuất;

- Việc thực hiện đăng ký hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý của các tổ chức hợp tác dùng nước với các đơn vị trực thuộc Công ty được quan tâm và phối hợp tốt.

b) Những khó khăn, các yếu tố ảnh hưởng đến tình hình sản xuất của đơn vị:

- Căn cứ ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh về việc cắt nước kênh TN21 để thi công dự án tưới tiêu khu vực phía Tây sông Vàm Cỏ Đông và cắt nước kênh Tây sau K21 để thi công sửa chữa “Sửa chữa nâng cấp kênh Tây thuộc hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng”, trong đó: “... từ hạ lưu K21 đến K39 (cuối kênh) cắt nước triệt để phục vụ thi công kể từ ngày 01/10/2018 đến ngày 30/12/2018”. Do đó hồ Dầu Tiếng cắt nước kênh Tây sau K21 và cắt nước thi công kênh TN21 thuộc dự án vượt sông Vàm Cỏ, nên gây khó khăn trong vận hành tưới, tiêu và giảm diện tích tưới, tiêu của Công ty năm 2018. Đồng thời giảm thời gian thực tưới nên đơn giá tưới từ chủ động sang chủ động một phần ảnh hưởng đến giảm doanh thu của Công ty.

- Dự kiến theo kế hoạch trong năm 2019 Công ty cũng phải chịu ảnh hưởng của việc cắt nước kênh Tây vào vụ Mùa 2019 để thi công dự án gia cố kênh Tây sau hạ lưu K21 và dự án tưới tiêu khu vực phía Tây sông Vàm Cỏ Đông.

- Việc sản xuất của dân không đồng bộ, sản xuất nhiều loại cây trồng trên một vùng tưới, đã gây khó khăn rất nhiều đến việc phục vụ tưới, tiêu;

- Các Tổ chức hợp tác dùng nước (TCHTDN) đến nay gồm: 25 hợp tác xã, 292 tổ thủy nông năng lực hoạt động còn nhiều hạn chế; kinh phí hoạt động còn nhiều khó khăn, thu nhập của các TCHTDN không tăng trong khi giá cả ngày càng tăng, gây khó khăn trong hoạt động.

- Mặc dù đã kết thúc dự án VWRAP, nhưng vẫn chưa hoàn thiện mạng lưới kênh < 50 ha và mạng lưới kênh tiêu nên vẫn chưa khai thác hết năng lực tưới của hệ thống. Đặc biệt mạng lưới kênh tiêu và giao thông nội đồng hiện nay chưa đáp ứng việc chuyển đổi cây trồng, từ cây lúa sang cây công nghiệp của nông dân;

- Mạng lưới kênh <50ha nội đồng còn nhiều kênh chưa được bê tông hóa, Công ty rà soát hệ thống kênh trên địa bàn các huyện, Thành phố có 983 tuyến kênh với tổng chiều dài 420,862 km thì chỉ mới bê tông hóa được 265,129 km, đạt 63,0%.

c) Nguyên nhân những việc còn tồn tại:

- Do hạn chế nguồn kinh phí, nhiều năm trước chỉ tập trung kinh phí để sửa chữa kênh tưới, ít quan tâm đến kênh tiêu;

- Chất lượng hoạt động của một số tổ chức hợp tác dùng nước còn yếu, chưa được khắc phục;

- Có một số quy định mới đòi hỏi công tác xây dựng cơ bản, phương pháp xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, quy trình vận hành, quy trình bảo trì hệ thống kênh.

#### **4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai**

- Các mục tiêu chủ yếu của doanh nghiệp

Tích cực mở rộng vùng tưới, trong đó hàng năm mức tăng diện tích tưới tự chảy phải cao hơn mức giảm diện tích do mở rộng khu công nghiệp, khu dân cư bảo đảm hầu hết các cấp kênh đều đủ nước thiết kế đến cuối kênh, đáp ứng đúng yêu cầu dùng nước của từng loại cây trồng suốt vụ sản xuất. Sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn duy tu, sửa chữa hệ thống thủy lợi, tham gia đầu tư mở rộng vùng tưới. Trong điều kiện thời tiết bình thường, hàng năm phấn đấu đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận với mức tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước. Tăng kinh phí duy tu sửa chữa công trình từ nguồn thu thủy lợi phí và tăng thu nhập cho người lao động. Bảo vệ an toàn hệ thống công trình thủy lợi.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Tỉnh Ủy, UBND tỉnh quan tâm đầu tư phát triển hệ thống công trình thủy lợi trong tỉnh, đặc biệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, từng bước đầu tư hoàn thiện mạng lưới thủy lợi nội đồng sẽ làm tăng diện tích, nâng cao chất lượng tưới. Hồ Dầu Tiếng được tiếp nước từ hồ Phước Hòa, cơ bản khắc phục tình trạng thiếu nước.

Năm 2019, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Tây Ninh bổ sung thi công dự án vượt sông Vàm Cỏ qua kênh TN21, diện tích tưới của huyện Châu Thành và Bến Cầu sẽ được mở rộng, sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty tăng doanh thu, qua đó tăng kinh phí duy tu sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi, phát triển nhiều khu tưới điểm làm tăng hiệu quả tưới, tiêu, đồng thời tăng thu nhập, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

Khai thác hệ thống công trình thủy lợi phục vụ đa mục tiêu, hàng năm bảo đảm phục vụ sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản đủ 3 vụ, tăng diện tích tưới, tiêu với chất lượng phục vụ ngày càng được nâng cao; mở rộng cấp nước công nghiệp, nước sinh hoạt cho các nhà máy và các khu công nghiệp, khu kinh

tê trong tỉnh, thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch, tổ chức sản xuất kinh doanh đúng pháp luật, thực hiện tốt việc chăm lo đời sống người lao động, thúc đẩy phát triển Công ty phát triển bền vững.

Tiếp tục phát động phong trào thi đua xây dựng các khu tưới điểm, phấn đấu đến hết năm 2020 đạt 50% diện tích vùng tưới đạt tiêu chuẩn khu tưới điểm. Xây dựng kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân nhằm nâng cao kỹ năng quản lý, từng bước quản lý được khối lượng nước sử dụng, tiến tới quản lý theo hướng hiện đại hóa.

Hàng năm triệt để tiết kiệm chi phí, dành kinh phí ít nhất 30% doanh thu hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi cho việc đầu tư duy tu sửa chữa thường xuyên và đầu tư kiên cố hóa kênh mương, mở rộng diện tích và nâng cao chất lượng tưới. Ưu tiên đầu tư các công trình gồm: kênh tiêu phục vụ cho nhu cầu chuyển đổi cây trồng của nông dân, nâng cấp hệ thống tưới trong các xã điểm xây dựng nông thôn mới, nâng cấp bờ kênh phục vụ giao thông nông thôn.

Tập trung xây dựng hoàn thiện và thường xuyên chỉnh sửa, bổ sung bộ định mức kinh tế kỹ thuật làm cơ sở cho việc thực hiện phân công lao động và phân phối thu nhập một cách khoa học hơn.

Phối hợp Chính quyền địa phương thực hiện đúng chủ trương và các quy định kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi, tăng cường công tác bảo vệ công trình, có biện pháp củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức hợp tác dùng nước.

### BIỂU SỐ 1:

#### MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Ước thực hiện năm báo cáo (năm 2019)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất					
a)	Cung cấp nước dịch vụ công ích thủy lợi	Ha	146.028,72	147.951,77	149.565,44	148.215
b)	Cung cấp nước công nghiệp	m3	4.576.249	6.629.562	6.952.880	6.666.666
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	82,185	84,78	85,349	83,66
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	7,54	8,60	6,939	5,916
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	1,48	1,79	1,702	1,70
5	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1000 USD				



6	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có): như điểm a, mục 1					
7	Kế hoạch đầu tư phát triển	Tỷ đồng				
a)	- Nguồn ngân sách	"	3,68	14,91		
b)	- Vốn vay	"				
c)	- Vốn khác	"				
8	Tổng lao động	Người	231	232	230	232
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng				
a)	- Quỹ lương quản lý	"	1,08	1,26	1,51	1,72
b)	- Quỹ lương lao động	"	23,42	23,89	24,207	24,022

## II. Tình hình đầu tư tại các Công ty con: Công ty không có Công ty con.

Trên đây là báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và 3 năm gần nhất của Công ty, theo quy định tại Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của Doanh nghiệp nhà nước. Công ty TNHH MTV khai thác thủy lợi Tây Ninh xin báo cáo./.

### Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và đầu tư;
- UBND tỉnh (B/c và đăng Website UBND tỉnh);
- Sở KH-ĐT;
- Sở Tài chính;
- Chủ tịch, Ban Giám đốc Cty;
- Phòng KH-KT; QLN-CT, TV;
- Website Công ty (công bố thông tin DNNN)
- Lưu: VT, VP Công ty.



**Nguyễn Hùng Thắng**